TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2020/QĐST-HNGĐ	*TP. S, ngày 05 tháng 06 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số LK20, số 39, đường D13, khu dân cư M, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số LK20, số 39, đường D13, khu dân cư M, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 05 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 05 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số LK20, số 39, đường D13, khu dân cư M, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số LK20, số 39, đường D13, khu dân cư M, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thu N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thu N thống nhất

xác định có hai người con chung tên Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 06/07/1995 và Phạm Minh Kh, sinh ngày 10/12/2001. Hiện nay các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thu N thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Thu N thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Phạm Văn T thống nhất chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001832 ngày 28/04/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn T số tiền chênh lệnh là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố S;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lệ Hằng